

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-ST

Ngày: 28 – 09 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Bảo Toàn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T**; Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện hộ kinh doanh: Bà **Huỳnh Xuân D**, sinh năm 1988. NKTT: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Lê Thị Hoài T**, sinh năm 1995; NKTT: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 15 tháng 01 năm 2021). *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông **Phú Văn H**, sinh năm 1963 và bà **Hồ Thanh N**, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 27 tháng 01 năm 2019 Hộ kinh doanh T với ông Phú Văn H có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản, trong đó hai bên xác nhận nợ là 232.688.000đ.

Trong quá trình mua bán ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên T đã chấm dứt giao dịch với ông H và đến tháng 8 năm 2019 hai bên lập bảng đối chiếu công nợ, ông H còn nợ T với số tiền là 232.688.000đ.

Nay Hộ Kinh doanh T yêu cầu giải quyết buộc phía vợ chồng ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N trả cho Hộ kinh doanh T số tiền còn nợ là 232.688.000đ và rút lại yêu cầu tính lãi khi giải quyết, mà chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi Hộ Kinh doanh T có đơn yêu cầu.

- *Bị đơn ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N trình bày:* Ông H và bà N không đồng ý cho lấy lời khai, với lý do không đồng ý trả lãi, đồng thời vợ chồng ông H, bà N yêu cầu ông H tự chịu trách nhiệm trả số tiền trên, vì bà N không có ký hợp đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn

có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Hộ kinh doanh T, buộc ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N cùng có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh T số tiền còn nợ là 232.688.000đ; Đình chỉ xét xử đối với phần lãi suất do tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đã rút

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do, nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn là người khởi kiện, đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán, bảng đối chiếu công nợ, đồng thời ông H cũng đã thống nhất số tiền này. Do đó, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và đã cung cấp giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng minh để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận với số tiền mua bán còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền là 232.688.000đ.

[3]. Mặc dù trong quá trình mua bán bà N không có ký tên vào hợp đồng mua bán và bảng đối chiếu công nợ nhưng việc ông H tham gia giao dịch là để phục vụ trong quá trình nuôi tôm trên phần đất chung của vợ chồng và sử dụng số tiền thu hoạch được cho gia đình nên bà N phải có trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông H và bà N yêu cầu ông H trả nợ, mà chấp nhận yêu cầu của Hộ kinh doanh T buộc ông H và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh T số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 232.688.000đ.

[4]. Xét phần lãi suất:

- Khi khởi kiện, Hộ kinh doanh T yêu cầu lãi suất do ông H và bà N chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 31 tháng 8 năm 2019 đến ngày 25 tháng 4 năm 2021 là 15.450.483đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Hộ kinh doanh T rút yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần lãi suất.

- Đồng thời việc Hộ kinh doanh T yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi Hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí xem xét thẩm định, định giá:

- Ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N phải chịu án phí trên yêu cầu Hộ kinh doanh T được chấp nhận là $232.688.000đ \times 5\% = 11.634.400đ$;

- Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền đã tạm ứng án phí 6.203.000đ theo biên lai thu tiền số 0003654 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
- Căn cứ các Điều 357, 430, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T.
2. Buộc ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N cùng có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh T số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 232.688.000đ.

3. Đình chỉ xét xử đối với việc Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N trả lãi suất số tiền 15.450.483đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Phú Văn H và bà Hồ Thanh N cùng có nghĩa vụ chịu nộp án phí 11.634.400đ;

- Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền đã tạm ứng án phí 6.203.000đ theo biên lai thu tiền số 0003654 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn

